

## CÁC ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

### **Điều 1: Thanh toán:**

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản 100% giá trị hợp đồng

- Tạm ứng: không tạm ứng

- Đồng tiền và thời hạn thanh toán:

+ Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam

+ Thời hạn thanh toán:

\* Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ TKBVTC-DT được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các bên thống nhất ký bảng xác định kinh phí thanh toán và Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu tư vấn, chủ đầu tư phải hoàn thành các thủ tục và thanh toán cho nhà thầu.

\* Các giai đoạn thanh toán:

Hoàn tất khảo sát, lập TKBVTC-DT: Chủ đầu tư thanh toán đến 100% chi phí khảo sát và 90% chi phí lập TKBVTC-DT (theo Bảng xác định kinh phí thanh toán) sau khi hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát được nghiệm thu và hồ sơ TKBVTC-DT xây dựng công trình được phê duyệt, nghiệm thu, nhà thầu hoàn tất đầy đủ hồ sơ theo kết quả thẩm định và Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán theo đúng quy định.

Sau khi công trình được thi công hoàn thành, được nghiệm bàn giao theo đúng quy định: Sau khi dự án được nghiệm thu bàn giao và Chủ đầu tư nhận được báo cáo giám sát tác giả và hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ, Chủ đầu tư sẽ thanh toán 10% chi phí lập TKBVTC-DT còn lại cho nhà thầu tư vấn.

- Hồ sơ thanh toán:

+ Biên bản nghiệm thu sản phẩm tư vấn (Báo cáo kết quả khảo sát, TKBVTC-DT), khối lượng công việc hoàn thành trong giai đoạn thanh toán, có xác nhận của các bên liên quan, Bảng xác định kinh phí thanh toán.

+ Bảng tính giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng, có xác nhận của các bên liên quan, có phụ lục hợp đồng được ký kết theo đúng quy định.

+ Đề nghị thanh toán của nhà thầu tư vấn cần thể hiện đầy đủ các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau cùng, có xác nhận của các bên liên quan.

+ Các tài liệu liên quan khác (Hóa đơn, Báo cáo giám sát tác giả đối với đề nghị thanh toán giá trị còn lại sau khi công trình nghiệm thu hoàn thành,...)

### **Điều 2: Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện hợp đồng: 35 ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.

Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi TKBVTC-DT dự án được duyệt và được nghiệm thu. Cụ thể thời gian thực hiện các bước công việc như sau:

+ Lập, trình duyệt hồ sơ TKBVTC-DT (bao gồm lập nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát, nhật ký khảo sát phục vụ công tác lập hồ sơ TKBVTC-DT)  $\leq 30$  ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, bao gồm thời gian Chủ đầu tư góp ý ( $\leq 03$  ngày), thẩm định và phê duyệt TKBVTC-DT ( $\leq 05$  ngày) và thời gian hiệu chỉnh hồ sơ của nhà thầu.

+ Thời gian lập hồ sơ sửa đổi thiết kế, dự toán, TKBVTC-DT:  $\leq 05$  ngày, kể từ ngày phát sinh nội dung cần sửa đổi và được các bên thống nhất lập Biên bản hiện trường và/hoặc từ yêu cầu (bằng văn bản) của Chủ đầu tư. Trong trường hợp cấp bách, nhà thầu tư vấn phải phát hành Biên bản sửa đổi + Bản vẽ thi công sửa đổi trong vòng 01 ngày kể từ ngày phát sinh nội dung cần sửa đổi. Các sửa đổi lớn, phức tạp, hai bên sẽ thống nhất thời gian cụ thể cho từng trường hợp.

- Thời gian không tính trong thời gian thực hiện hợp đồng: là các khoảng thời gian không nêu trong các bước công việc trên đây (gồm: thời gian ký hồ sơ, thời gian phê duyệt NVKS, dự toán chi phí khảo sát, PAKT khảo sát, thời gian nghiệm thu hồ sơ của Chủ đầu tư; thời gian thẩm tra của tư vấn; thời gian tham vấn cộng đồng, ký hồ sơ của Điện lực; thời gian thẩm định, thỏa thuận tuyến; thời gian góp ý, thẩm định, phê duyệt TKBVTC-DT của Chủ đầu tư vượt quá thời gian quy định nêu trên; trường hợp bất khả kháng).

### **Điều 3: Nhà thầu phụ:**

- Danh sách nhà thầu phụ: [ghi danh sách nhà thầu phụ hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].

- Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng. Trong trường hợp vượt quá 30% phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

- Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: nhà thầu tư vấn phải cung cấp hồ sơ chứng minh nhà thầu phụ đủ năng lực thực hiện công việc được đảm nhận.

### **Điều 4: Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại:**

Mức khấu trừ:

Quy định cụ thể về phạt vi phạm hợp đồng:

1. Quy định cụ thể về phạt vi phạm hợp đồng (đối với tư vấn thiết kế):

a. Các nội dung vi phạm như sau:

a.1. Vi phạm trong công tác khảo sát:

- + Vi phạm trong thu thập, tính toán các số liệu về khí tượng – thủy văn;
- + Vi phạm trong công tác khảo sát địa hình (đo đạc, xây dựng các mốc địa hình, các bản đồ địa hình, các mặt cắt địa hình...);
- + Vi phạm trong công tác khảo sát địa chất (Bản đồ địa chất công trình, công tác địa vật lý, công tác khoan/ đào địa chất, công tác bảo quản nồn khoan...);
- + Vi phạm trong việc điều tra, khảo sát, thống kê, xác định khối lượng các ảnh hưởng, tác động bởi Dự án/ công trình... (diện tích chiếm đất, khối lượng bồi thường, di dân tái định cư, giải phóng mặt bằng...).
- + Vi phạm trong công tác phân tích, đánh giá kết quả và xác lập các chỉ tiêu khảo sát về khí tượng thủy văn, địa hình, địa chất (chỉ tiêu cơ lý đất đá, phân lớp địa chất công trình, động đất, kiến tạo, ...).
- + Vi phạm trong công tác cập nhật hạ tầng ngầm.
- + Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

a.2. Vi phạm trong công tác thiết kế:

- + Vi phạm trong việc áp dụng các Tiêu chuẩn thiết kế, Phân loại cấp công trình và nhóm công trình, lựa chọn tần suất tính toán thiết kế (về thủy văn, sóng, gió...) đối với hạng mục/ công trình...;
- + Vi phạm trong phân tích sự cần thiết đầu tư, phân tích kinh tế - tài chính của Dự án;
- + Vi phạm trong việc lựa chọn, xác định tổ hợp tải trọng tác động lên hạng mục/ công trình... trong các trường hợp tính toán;
- + Vi phạm trong việc tính toán, phân tích lựa chọn phương án, lựa chọn tuyến, thiết kế bố trí hạng mục/ tổng thể công trình và các hạng mục công trình phụ trợ...;
- + Vi phạm trong giải pháp thiết kế, lựa chọn công nghệ;
- + Vi phạm trong tính toán, thiết kế đối với từng cấu kiện, bộ phận, hạng mục, trong Hồ sơ thiết kế của Dự án/ công trình;
- + Vi phạm trong việc xác lập, kiến nghị biện pháp tổ chức xây dựng, biện pháp thi công hạng mục/ công trình;
- + Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
- + Vi phạm trong bóc tách khối lượng từ bản vẽ, bản vẽ thiết kế sai sót, ...

+ Các vi phạm, sai sót chủ quan khác dẫn đến phải sửa đổi thiết kế trong quá trình chọn thầu, trong quá trình thi công, nghiệm thu.

### a.3. Vi phạm trong công tác lập chi phí:

+ Vi phạm trong việc tuân thủ các quy định về quản lý chi phí ĐTXD được ban hành và có hiệu lực đối với từng thời kỳ;

+ Vi phạm trong việc tuân thủ nội dung hồ sơ kỹ thuật (khảo sát, thiết kế các giai đoạn: khối lượng, biện pháp tổ chức xây dựng/biện pháp thi công, các điều kiện tự nhiên liên quan...);

+ Áp dụng/vận dụng định mức, đơn giá và các chế độ trong tính toán, xác định chi phí không đúng;

+ Các sai sót trong quá trình tính toán, xác định chi phí;

+ Vi phạm thời gian thực hiện và/hoặc không đầy đủ hồ sơ liên quan theo quy định khi trình duyệt (kể cả các tài liệu gửi qua e.mail, D.office, phần mềm quản lý ĐTXD...);

+ Xác định TMĐT/ĐTXD/dự toán gói thầu có giá chi phí chênh lệch lớn hơn  $\pm 10\%$  so với kết quả thẩm tra, thẩm định, phê duyệt.

#### \* Các nội dung vi phạm khác:

+ Nội dung hồ sơ không thống nhất (do lỗi chủ quan của tư vấn) dẫn đến việc: hồ sơ dự án, thiết kế bị cơ quan có thẩm quyền/ cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trả về yêu cầu hiệu chỉnh hoặc Các nhà thầu tham dự thầu phát hiện sai sót trong hồ sơ thiết kế, Hồ sơ mời thầu gửi văn bản đề nghị bên mời thầu làm rõ.

+ Về việc lựa chọn phương án bố trí tổng thể mặt bằng chưa tối ưu (làm ảnh hưởng đến: công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; khả năng mở rộng của công trình; khó khăn trong sửa chữa, thay thế VTTB, vận hành hệ thống, ...).

+ Hồ sơ tư vấn, hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu làm hạn chế Nhà sản xuất, Nhà thầu tham dự.

+ Nhà thầu không tham dự họp (do Chủ đầu tư hoặc cơ quan liên quan mời) hoặc không cử đúng thành phần tham dự theo văn bản mời họp của Chủ đầu tư hoặc không gửi Báo cáo tiến độ thực hiện cho Chủ đầu tư mà không có lý do chính đáng, nhà thầu chậm trễ hoặc không cử đúng thành phần nhân sự chủ chốt theo chức danh phân công trong hợp đồng khi làm việc với chủ

đầu tư hoặc các bên liên quan về các nội dung chuyên môn của hồ sơ khảo sát, thỏa thuận tuyển, thiết kế,...

+ Đối với các vi phạm khác: áp dụng theo chương X – Quyết định số 70/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM.

b. Mức phạt vi phạm hợp đồng như sau:

- Giá trị phạt do vi phạm về tiến độ được tính = tối đa 12% x giá trị hạng mục công việc bị vi phạm (tỷ lệ được tính bắt đầu từ ngày thứ 5, cứ mỗi ngày chậm tiếp theo sẽ phạt 0,5%, mức phạt tối đa đến 12% sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng).

- Giá trị phạt do vi phạm về chất lượng được tính = tỉ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) đã ký; được tính lũy kế các lần 1 phạt 5 %, lần 2 phạt 7 %, lần 3 phạt 12 % và xem xét chấm dứt hợp đồng.

- Nhà thầu không tham dự họp (do Chủ đầu tư hoặc cơ quan liên quan mời) hoặc không cử đúng thành phần tham dự theo văn bản mời họp của Chủ đầu tư hoặc không gửi Báo cáo tiến độ thực hiện cho Chủ đầu tư mà không có lý do chính đáng, nhà thầu chậm trễ hoặc không cử đúng thành phần nhân sự chủ chốt theo chức danh phân công trong hợp đồng khi làm việc với chủ đầu tư hoặc các bên liên quan về các nội dung chuyên môn của hồ sơ khảo sát, thỏa thuận tuyển, thiết kế,..... thì Chủ đầu tư sẽ xem xét, xử phạt lần 1 cảnh cáo, nhắc nhở; lần 2 phạt đến 5 % giá trị hợp đồng; lần 3 phạt đến 7 % giá trị hợp đồng và xem xét chấm dứt hợp đồng.

- Tổng mức phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm; mức phạt tối đa đến 12% sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng.

Ngoài mức phạt hợp đồng đã được quy định như trên, bên nhận thầu phải bồi thường thiệt hại tương ứng với các mức thiệt hại do lỗi của bên nhận thầu (các bên lập biên bản xác nhận thiệt hại) và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng, cụ thể mức bồi thường.

Mức bồi thường = chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng.

Trong đó:

- Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả hư hỏng, sự cố, do bên nhận thầu gây ra như mua sắm lại VTTB, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng... do đơn vị thiết kế, thi công, giám sát hoặc cung cấp hàng hóa gây ra (thiết kế

sai qui chuẩn, tiêu chuẩn, lựa chọn vị trí, địa điểm không phù hợp dẫn đến thi công xong phải đập bỏ, thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố,...) (trường hợp bên nhận thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi phí này).

- Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.

#### **Điều 5: Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:**

- Bên nhận thầu bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng hợp đồng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của bên giao thầu;

- Bên nhận thầu từ chối thực hiện công việc theo hợp đồng hoặc 56 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng, dẫn đến vi phạm tiến độ thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng, trừ trường hợp được cho phép của bên giao thầu.

- Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương; hoặc

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra thực tế địa chỉ trụ sở chính hoặc văn phòng điều hành của nhà thầu tại TP. Hồ Chí Minh theo thông tin đã cung cấp trong hồ sơ dự thầu/hợp đồng. Trường hợp phát hiện địa điểm này không có hoạt động thực tế phục vụ cho việc thực hiện hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ trong việc thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu theo Hợp đồng mà nhà thầu vẫn không có biện pháp sửa chữa sai sót hoặc tiến hành khắc phục hoặc phối hợp với Chủ đầu tư khắc phục sai sót, chậm trễ đó; hoặc

- Bị phạt đến 12% giá trị hợp đồng; hoặc

- Tư vấn tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng.